

Số: *08* /2021/QĐ-UBND

Thái Nguyên, ngày *14* tháng 01 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế về xét, cho phép sử dụng và quản lý thẻ đi lại của doanh nhân APEC trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên ban hành kèm theo Quyết định số 10/2011/QĐ-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 45/2006/QĐ-TTg ngày 28 tháng 02 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế cấp và quản lý thẻ đi lại của doanh nhân APEC;

Căn cứ Quyết định số 54/2015/QĐ-TTg ngày 29 tháng 10 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế về việc cấp và quản lý thẻ đi lại của doanh nhân APEC ban hành kèm theo Quyết định số 45/2006/QĐ-TTg ngày 28 tháng 02 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 28/2016/TT-BCA ngày 05 tháng 7 năm 2016 của Bộ Công an hướng dẫn thực hiện Quy chế về cấp và quản lý thẻ đi lại của doanh nhân APEC;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Ngoại vụ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế về xét, cho phép sử dụng và quản lý thẻ đi lại của doanh nhân APEC trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên ban hành kèm theo Quyết định số 10/2011/QĐ-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên như sau:

1. Điều 2 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 2. Các đối tượng được xét cho phép sử dụng thẻ ABTC

1. Doanh nhân Việt Nam đang làm việc tại các doanh nghiệp nhà nước thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

a) Thành viên Hội đồng thành viên; Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc; Giám đốc, Phó Giám đốc các doanh nghiệp, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế; Giám đốc, Phó Giám đốc các ngân hàng hoặc chi nhánh ngân hàng;

b) Kế toán trưởng, Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng các doanh nghiệp, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, ngân hàng; Trưởng chi nhánh của doanh nghiệp hoặc chi nhánh ngân hàng.

2. Doanh nhân Việt Nam đang làm việc tại các doanh nghiệp được thành lập hợp pháp theo quy định của pháp luật Việt Nam thuộc tỉnh Thái Nguyên:

a) Chủ doanh nghiệp tư nhân, Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên, Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc hoặc Giám đốc công ty;

b) Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc hợp tác xã hoặc liên hợp tác xã;

c) Kế toán trưởng, Trưởng phòng trong các doanh nghiệp; Trưởng chi nhánh của các doanh nghiệp và các chức danh tương đương khác.

3. Doanh nhân làm việc tại các doanh nghiệp do Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ thành lập nhưng đã được cổ phần hóa, không còn vốn nhà nước chi phối có trụ sở đặt tại tỉnh.

4. Cán bộ, công chức, viên chức có nhiệm vụ tham gia các hoạt động của APEC:

a) Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh có nhiệm vụ tham dự các cuộc họp, hội nghị và các hoạt động về hợp tác, phát triển kinh tế của APEC;

b) Cán bộ, công chức, viên chức có nhiệm vụ tham dự các cuộc họp, hội nghị và các hoạt động về hợp tác, phát triển kinh tế của APEC”.

2. Điều 6 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 6: Trách nhiệm của các cơ quan chức năng

1. Trách nhiệm của các cơ quan chức năng

Các cơ quan: Cục Thuế tỉnh, Chi cục Hải quan Thái Nguyên, Bảo hiểm xã hội tỉnh, Công an tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan có liên quan có trách nhiệm phối hợp với Sở Ngoại vụ và xác nhận bằng văn bản trong phạm vi, lĩnh vực quản lý của đơn vị về tình hình chấp hành pháp luật và những vấn đề liên quan của doanh nghiệp và doanh nhân đang có hồ sơ đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh xét cho phép sử dụng thẻ ABTC, cụ thể:

a) Công an tỉnh: Cung cấp thông tin về tình hình chấp hành pháp luật của doanh nghiệp và doanh nhân tại địa phương.

b) Bảo hiểm xã hội tỉnh: Cung cấp thông tin về tình hình chấp hành pháp luật của doanh nghiệp và doanh nhân về bảo hiểm xã hội và cung cấp số lượng lao động đang tham gia bảo hiểm xã hội tại doanh nghiệp.

c) Chi cục Hải quan Thái Nguyên: Cung cấp thông tin về tình hình chấp hành pháp luật của doanh nghiệp về hải quan.

d) Cục Thuế tỉnh: Cung cấp thông tin về tình hình chấp hành pháp luật về nghĩa vụ thuế của doanh nghiệp và doanh nhân trên địa bàn tỉnh.

đ) Sở Kế hoạch và Đầu tư: Cung cấp tình trạng hoạt động và tình hình chấp hành Luật Doanh nghiệp của doanh nghiệp.

2. Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu, các cơ quan quy định tại khoản 1 Điều này có trách nhiệm cung cấp thông tin gửi thông tin cho Sở Ngoại vụ.

Trường hợp cần có thêm thời gian để xác minh phải thông báo bằng văn bản cho Sở Ngoại vụ biết và thời gian để xác minh bổ sung, cung cấp thông tin không quá 05 (năm) ngày làm việc.

Trường hợp không nhận được thông tin trong thời hạn trên, Sở Ngoại vụ tiếp tục thực hiện giải quyết công việc, cơ quan không cung cấp thông tin phải chịu trách nhiệm về nội dung thông tin thuộc trách nhiệm của mình”.

3. Khoản 2, Điều 7 được sửa đổi, bổ sung như sau:

2. Sở Ngoại vụ có trách nhiệm tiếp nhận hồ sơ, trao đổi ý kiến với các cơ quan liên quan và tham mưu trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh cho sử dụng thẻ ABTC trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

Trường hợp các cơ quan cần có thêm thời gian để xác minh theo quy định tại khoản 2 Điều 6 thì thời gian xác minh bổ sung được cộng vào thời gian trên.

Trường hợp đủ điều kiện giải quyết thì trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh có văn bản xét cho phép sử dụng thẻ ABTC cho doanh nhân để Cục Quản lý Xuất nhập cảnh - Bộ Công an cấp theo quy định.

Trong trường hợp không đủ điều kiện được xem xét cho phép sử dụng thẻ ABTC, Sở Ngoại vụ có văn bản trả lời lý do không được xem xét cấp thẻ trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, đồng thời báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh biết.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 02 năm 2021.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành thuộc tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã; các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *Tuấn*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Công an (Cục Quản lý XNC);
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch và các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- UBMTTQ Việt Nam tỉnh Thái Nguyên;
- Các Sở, Ban, ngành thuộc tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố, thị xã;
- Báo Thái Nguyên; Đài PT-TH tỉnh;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Hiệp hội Doanh nghiệp;
- Hiệp hội Doanh nghiệp nhỏ và vừa tỉnh TN;
- Hội Nữ doanh nhân tỉnh;
- Hiệp hội du lịch tỉnh;
- Lưu: VT, NC, KGVX, KSTTHC. *ce*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Ký bởi: Văn phòng Ủy ban
nhân dân
Cơ quan: Tỉnh Thái Nguyên
Ngày ký: 01-02-2021 15:51:00
+07:00

Trịnh Việt Hùng